TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 05 – 10 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

□ □□□

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Bà **Nguyễn Thị Sương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Sơn Thị Chanh Thu –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST– HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P , sinh năm 1970 (Vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp PHY, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Vào năm 1990 hôn nhân do mai mối, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình chị P và anh L tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 20 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải gay gắt nên ly thân vào năm 2014 cho đến nay. Hiện chị P không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1990 và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 07/12/1992 (đã trưởng thành). Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị P yêu cầu được ly hôn với anh L là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và chị Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L và chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét về hôn nhân: Chị P và anh L có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị P và anh L là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1990 và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 07/12/1992 (đã trưởng thành).

[5]. Về tài sản chung: Chị P và anh L bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị P và anh L trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0010864 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên chị L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 2, Điều 9; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1990 và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 07/12/1992 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Chị P và anh L trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P và anh L trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị P phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0010864 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên chị L không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Chị P, anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi